

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHONG PHÚ**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban tổng giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>5</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>10</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>13 - 45</b>
<b>8. Phụ lục</b>	<b>46 - 51</b>

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Khái quát về Tổng Công ty**

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước – Tổng Công ty Phong Phú theo Quyết định số 06/2007/QĐ-BCN ngày 11 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446006, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84 – 28) 35 147 340
- Fax : (84 – 28) 38 406 790

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Nhà máy dệt 2 – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Nẵng	Đường số 03, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Linh Chiểu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Nẵng	294 Ông Ích Khiêm, Phường Tân Chính, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Bình Thuận	215B Thủ Khoa Huân, Phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Hà Nội	184 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Cần Thơ	78 A1 Trần Văn Khéo, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Nha Trang	Km1447, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Lạt – Khách sạn Du Lys	14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Nha Trang – Cửa hàng bán lẻ may mặc	64 Quang Trung, Phường Vạn Thắng, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Lâm Đồng	171 Thống Nhất, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất sợi, chỉ may, chỉ thêu, vải dệt thoi, sản xuất khăn, vải, sợi, quần áo, hàng may sẵn (trừ trang phục, trừ tây, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng); Bao bì (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Mua bán máy móc, phụ tùng ngành dệt, may. Kinh doanh thiết bị văn phòng, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm, môi trường. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp;



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Dịch vụ nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ;
- Chăn nuôi lợn (không hoạt động tại trụ sở);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác và chế biến lâm sản;
- Thi công, tư vấn, thiết kế, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện công nghiệp, điện lạnh;
- Dịch vụ ăn uống (không hoạt động ăn uống và trò chơi giải trí tại trụ sở);
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị, phát triển nhà;
- Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Giáo dục mầm non, tiểu học;
- Gia công cơ khí;
- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí;
- Xử lý nước thải;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Quảng cáo;
- Bán lẻ hàng may mặc;
- Trồng cây lấy củ có chất bột, mía, cây thuốc lá, cây thuốc Lào, cây lấy sợi, cây có hạt chứa dầu, cây hồ tiêu, cây cao su, cây cà phê, cây chè; trồng rau, đậu các loại, cây cảnh và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở).

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Ông Trần Quang Sáng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Ông Phạm Xuân Trinh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Bà Bùi Thị Thu	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Bà Trần Liên Hữu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2015

**Ban điều hành, quản lý**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Xuân Trinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2013
Bà Bùi Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2010
Bà Phan Kim Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2010
Ông Trần Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014
Ông Đinh Hồng Tiến	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2011
Ông Lý Anh Tài	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014
Bà Lê Thị Ánh Ngọc	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Nhiệm	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Võ Đình Hùng	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Phạm Minh Tuấn	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2017
Bà Trương Thị Ngọc Phượng	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2016
Ông Đặng Thanh Phước	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2016

449815  
CÔNG TY  
KIỂM HỮU  
ÁN VÀ TƯ  
& C  
T. PHƯỚC



Số: 1.1147/18/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 05 tháng 8 năm 2018, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
**A&C**

Nguyễn Ngọc Thành  
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1195-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2018

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.177.799.586.768</b>	<b>1.851.713.080.252</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>28.807.451.622</b>	<b>49.630.328.064</b>
1. Tiền	111		27.807.451.622	49.630.328.064
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.225.410.132.212</b>	<b>1.151.964.426.038</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	590.681.924.494	501.721.695.589
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	120.177.365.790	153.121.436.082
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	145.300.000.000	145.300.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	378.354.852.438	360.189.346.932
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(9.492.092.057)	(8.797.396.009)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		388.081.547	429.343.444
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>889.545.191.047</b>	<b>589.857.207.279</b>
1. Hàng tồn kho	141		912.731.167.468	611.585.936.931
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(23.185.976.421)	(21.728.729.652)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>34.036.811.887</b>	<b>60.261.118.871</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.635.885.780	3.052.621.786
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		29.568.409.121	41.789.706.339
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	832.516.986	15.418.790.746
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.124.508.091.664</b>	<b>2.247.424.854.763</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>332.849.915.391</b>	<b>460.468.852.235</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	6.240.000.000	6.456.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	326.609.915.391	454.012.852.235
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>832.336.561.390</b>	<b>811.192.065.145</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	829.213.405.862	807.846.470.789
- Nguyên giá	222		1.424.432.268.585	1.363.877.142.450
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(595.218.862.723)	(556.030.671.661)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	3.123.155.528	3.345.594.356
- Nguyên giá	225		5.634.308.358	5.634.308.358
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.511.152.830)	(2.288.714.002)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		158.000.000	158.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(158.000.000)	(158.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>13.149.042.972</b>	<b>13.390.309.818</b>
- Nguyên giá	231		14.476.010.625	14.476.010.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.326.967.653)	(1.085.700.807)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>301.313.681.799</b>	<b>317.340.651.671</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	301.313.681.799	317.340.651.671
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>624.063.609.843</b>	<b>624.063.609.843</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	270.152.739.353	270.152.739.353
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	278.770.091.423	278.770.091.423
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	125.247.365.199	125.247.365.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13	(50.106.586.132)	(50.106.586.132)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.795.280.269</b>	<b>20.969.366.051</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	20.795.280.269	20.969.366.051
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.302.307.678.432</b>	<b>4.099.137.935.015</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.004.124.415.256</b>	<b>2.711.136.212.896</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.742.150.079.619</b>	<b>1.423.038.187.954</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	414.428.258.236	286.515.221.697
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	23.898.720.380	16.001.244.009
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	12.807.370.894	15.847.787.001
4. Phải trả người lao động	314	V.18	42.626.116.727	86.825.108.832
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	15.173.588.508	8.925.535.253
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	3.157.461.996	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	106.042.723.907	24.346.100.422
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	1.115.281.366.167	979.502.044.422
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	8.734.472.804	5.075.146.318
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.261.974.335.637</b>	<b>1.288.098.024.942</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	22.102.234.004	26.838.427.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	25.326.000.000	25.326.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	1.214.546.101.633	1.235.933.597.942
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

5-C.T.11  
HẠN  
SỬ DỤNG  
CHÍNH

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.298.183.263.176</b>	<b>1.388.001.722.119</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.298.183.263.176</b>	<b>1.388.001.722.119</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	746.708.910.000	746.708.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		746.708.910.000	746.708.910.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	32.368.276.001	32.368.276.001
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	326.078.722.568	312.634.705.568
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	193.027.354.607	296.289.830.550
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		87.704.429.350	296.289.830.550
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		105.322.925.257	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.302.307.678.432</b>	<b>4.099.137.935.015</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2018



Lê Thị Tú Anh  
Người lập



Đặng Thanh Phước  
Kế toán trưởng



Bùi Thị Thu  
Phó Tổng Giám đốc



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.510.954.712.511	1.287.931.715.887
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		474.218.575	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.510.480.493.936	1.287.931.715.887
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.407.489.430.902	1.167.186.353.206
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		102.991.063.034	120.745.362.681
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	152.348.143.431	107.554.180.653
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	47.768.930.655	47.817.383.612
Trong đó: chi phí lãi vay	23		36.941.076.418	37.997.324.681
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	45.911.334.753	34.733.197.788
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	53.244.093.073	49.209.546.939
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		108.414.847.984	96.539.414.995
11. Thu nhập khác	31	VI.7	721.693.067	2.923.871.240
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.813.615.794	17.912.101.542
13. Lợi nhuận khác	40		(3.091.922.727)	(14.988.230.302)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		105.322.925.257	81.551.184.693
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		105.322.925.257	81.551.184.693
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-



Lê Thị Tú Anh  
Người lập



Đặng Thanh Phước  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2018

Bùi Thị Thu  
Phó Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		105.322.925.257	81.551.184.693
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11	50.537.546.202	47.806.707.538
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.7	2.151.942.817	7.300.299.231
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	10.052.405.812	1.050.863.785
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.8	(147.477.762.268)	(107.184.256.118)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4, V.12	36.941.076.418	37.997.324.681
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		57.528.134.238	68.522.123.810
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		94.541.583.707	26.555.724.767
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(301.145.230.537)	(76.653.211.912)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		101.168.794.539	(67.414.184.474)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(409.178.212)	(15.340.012.106)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, V.21a, VI.4, VII	(57.453.811.360)	(47.692.811.139)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	-	(527.335.372)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23, V.24	(27.206.097.514)	(7.541.422.667)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(132.975.805.139)</b>	<b>(120.091.129.093)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.12, VII	(61.400.200.628)	(204.288.757.055)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.8	476.242.992	383.599.999
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.4b	216.000.000	6.608.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3, VII	151.476.893.008	172.187.825.405
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>90.768.935.372</b>	<b>(25.109.331.651)</b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22	1.552.545.637.830	1.615.253.424.564
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22	(1.449.040.910.782)	(1.427.139.681.124)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.22	(331.512.660)	(3.945.255.815)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21a, V.24	(81.808.014.000)	(87.963.065.090)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>21.365.200.388</b>	<b>96.205.422.535</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(20.841.669.379)</b>	<b>(48.995.038.209)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>49.630.328.064</b>	<b>63.529.729.130</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.4	18.792.937	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>28.807.451.622</b>	<b>14.534.690.921</b>

Lê Thị Tú Anh  
Người lập

Đặng Thanh Phước  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2018

Bùi Thị Thu  
Phó Tổng Giám đốc

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tây, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Buôn bán tơ, xơ, sợi dệt, hàng may mặc, ...

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu và lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2018 của Tổng Công ty tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm trước là do tình hình kinh tế thế giới đã phục hồi, vì vậy doanh thu xuất khẩu tăng. Đồng thời, kinh tế Việt Nam từng bước phát triển, nhu cầu tiêu dùng tăng dẫn đến doanh thu nội địa tăng.

#### 6. Cấu trúc Tổng Công ty

##### Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	Số 727 Âu Cơ, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các sản phẩm dệt	60,99%	60,99%	60,99%
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất các sản phẩm dệt	51,97%	51,97%	51,97%
Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú	Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc. Mua bán hóa chất thuốc nhuộm, máy móc thiết bị ngành dệt may	71,00%	71,00%	71,00%

##### Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Số 48 Tầng Nhơn Phú, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi	35,00%	30,00%	35,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	Số 159 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản	21,51%	21,51%	21,51%

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Số 09 Phù Đổng Thiên Vương, TP.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành dệt may	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	Số 168B Bùi Thị Xuân, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh bông nguyên liệu nhập khẩu; sản xuất và xuất khẩu các loại khăn lông	31,58%	31,58%	31,58%
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	Số 378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	44,02%	44,02%	44,02%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân	37 Trần Hưng Đạo, Phường Đồng, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Xây dựng công trình dân dụng	47,84%	47,84%	47,84%
Công ty TNHH Linen Supply Services	Nhà xưởng A, Khu Công nghiệp Giang Điền, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	Giặt công nghiệp, sản xuất các sản phẩm may mặc	20,00%	20,00%	20,00%

### Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Nhà máy dệt 2 – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Nẵng	Đường số 03, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Linh Chiểu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Nẵng	294 Ông Ích Khiêm, Phường Tân Chính, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Bình Thuận	215B Thủ Khoa Huân, Phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Hà Nội	184 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Cần Thơ	78 A1 Trần Văn Khéo, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Nha Trang	Km1447, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Lạt – Khách sạn Du Lys	14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Nha Trang – Cửa hàng bán lẻ may mặc	64 Quang Trung, Phường Vạn Thắng, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Lâm Đồng	171 Thống Nhất, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng

### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty có 2.276 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 2.130 nhân viên).

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

---

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của từng ngân hàng.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của từng ngân hàng.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu thương mại được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu khác được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:
  - Xây dựng dự án bất động sản: bao gồm chi phí xây dựng, lãi vay, quyền sử dụng đất và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
  - Sản xuất sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa, công cụ, dụng cụ và chi phí thuê. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa là các chi phí thực tế chi ra để sửa chữa văn phòng cho thuê và máy móc thiết bị. Chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh không quá 03 năm.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí thuê*

Chi phí thuê trả trước được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê trả trước.

#### *Các chi phí trả trước dài hạn khác*

Các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tổng Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc thiết bị thuê tài chính là 12 năm.

### 11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu thuộc sở hữu của Tổng Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 30 năm.

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

#### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Tổng Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tổng Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tổng Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 15. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tổng Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

### 16. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản hàng bán trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ sau.

### 20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

1  
C  
P  
C  
H

19875  
GTY  
M HUU  
VA TU  
C  
PHOC



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.820.974.597	1.400.275.848
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.986.477.025	48.230.052.216
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>28.807.451.622</u></b>	<b><u>49.630.328.064</u></b>

(\*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

#### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><u>240.522.034.405</u></b>	<b><u>203.731.046.261</u></b>
Công ty TNHH Coast Phong Phú	93.309.582.078	77.396.075.469
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	67.594.048.784	68.330.000.504
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	30.861.236.002	30.761.126.997
Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú	29.934.312.961	15.908.289.955
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại Phong Phú	17.614.898.168	10.257.930.237
Công ty TNHH Linen Supply Services	1.207.956.412	1.077.623.099
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><u>350.159.890.089</u></b>	<b><u>297.990.649.328</u></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>590.681.924.494</u></b>	<b><u>501.721.695.589</u></b>

#### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	91.600.000.000	91.600.000.000
Các nhà cung cấp khác	28.577.365.790	61.521.436.082
<b>Cộng</b>	<b><u>120.177.365.790</u></b>	<b><u>153.121.436.082</u></b>

#### 4. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

##### 4a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Cho các bên liên quan vay</i></b>	<b><u>77.500.000.000</u></b>	<b><u>77.500.000.000</u></b>
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú Daewon Thủ Đức	2.500.000.000	2.500.000.000
<b><i>Cho tổ chức khác vay</i></b>	<b><u>67.800.000.000</u></b>	<b><u>67.800.000.000</u></b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	67.800.000.000	67.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>145.300.000.000</u></b>	<b><u>145.300.000.000</u></b>

##### 4b. Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Phú	4.800.000.000	4.800.000.000
Cán bộ công nhân viên	1.440.000.000	1.656.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>6.240.000.000</u></b>	<b><u>6.456.000.000</u></b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>177.542.633.214</b>	<b>(456.756.127)</b>	<b>169.100.109.592</b>	<b>(456.756.127)</b>
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam - Phải thu tiền lãi cho vay	29.953.891.549	-	26.023.174.882	-
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang - Phải thu tiền lãi cho vay	7.415.252.802	-	5.908.658.030	-
Công ty TNHH Coats Phong Phú – Phải thu lợi nhuận được chia	131.893.288.571	-	136.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức - Phải thu tiền lãi cho vay	1.290.200.292	(456.756.127)	1.168.276.680	(456.756.127)
Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú - Phải thu lợi nhuận được chia	6.390.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn - Phải thu lợi nhuận được chia	600.000.000	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>200.812.219.224</b>	<b>(3.242.551.090)</b>	<b>191.089.237.340</b>	<b>(4.542.551.090)</b>
Phải thu chuyển nhượng dự án đầu tư	23.500.000.000	-	28.155.996.716	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú – Phải thu lợi nhuận hợp tác dự án Đồng Mai	110.422.661.112	-	97.626.966.668	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Phải thu tiền lãi cho vay	27.819.531.941	-	24.710.354.163	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Phải thu tiền cho thuê đất	15.918.588.440	-	15.918.588.440	-
Tạm ứng	4.870.736.440	-	5.075.836.608	-
Phải thu lợi nhuận được chia	2.930.598.000	-	1.499.886.000	-
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	28.232.913	-	28.232.913	-
Phải thu lãi cho vay ngắn hạn	8.734.957.779	-	7.877.983.981	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.586.912.599	(3.242.551.090)	10.195.391.851	(4.542.551.090)
<b>Cộng</b>	<b>378.354.852.438</b>	<b>(3.699.307.217)</b>	<b>360.189.346.932</b>	<b>(4.999.307.217)</b>

#### 5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	307.013.590.759	-	434.257.522.603	-
- Dự án Khu công nghiệp Đồng Mai	250.000.000.000	-	250.000.000.000	-
- Dự án Khu nhà ở công nhân Phước Long B, quận 9	-	-	127.243.931.844	-
- Dự án Khu công nghiệp Lê Minh Xuân	43.532.895.759	-	43.532.895.759	-
- Dự án Trung Thủy	13.480.695.000	-	13.480.695.000	-
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	19.596.324.632	-	19.755.329.632	-
<b>Cộng</b>	<b>326.609.915.391</b>	<b>-</b>	<b>454.012.852.235</b>	<b>-</b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	<b>1.850.687.597</b>	<b>914.448.640</b>	<b>1.183.179.862</b>	<b>473.513.280</b>
Công ty TNHH Linen Supply	1.174.820.639	695.337.809	507.312.904	254.402.449
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	675.866.958	219.110.831	675.866.958	219.110.831
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>9.369.434.301</b>	<b>813.581.201</b>	<b>10.540.174.751</b>	<b>2.452.445.324</b>
<b>Cộng</b>	<b>11.220.121.898</b>	<b>1.728.029.841</b>	<b>11.723.354.613</b>	<b>2.925.958.604</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	8.797.396.009	111.462.684.968
Trích lập dự phòng bổ sung	694.696.048	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>9.492.092.057</b>	<b>111.462.684.968</b>

### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	12.670.782.858	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	146.815.946.275	(5.951.966.990)	98.821.181.828	(5.951.966.990)
Công cụ, dụng cụ	-	-	16.158.753	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	510.762.409.369	(1.457.246.769)	315.115.916.442	-
Thành phẩm	218.405.005.987	(15.776.762.662)	178.971.204.013	(15.776.762.662)
Hàng hóa	16.492.453	-	-	-
Hàng gửi đi bán	24.060.530.526	-	18.661.475.895	-
<b>Cộng</b>	<b>912.731.167.468</b>	<b>(23.185.976.421)</b>	<b>611.585.936.931</b>	<b>(21.728.729.652)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	21.728.729.652	21.960.006.303
Trích lập dự phòng bổ sung	1.457.246.769	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(231.276.651)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>23.185.976.421</b>	<b>21.728.729.652</b>

### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

#### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, bảo trì	975.698.693	1.057.205.463
Chi phí thuê	497.416.000	1.420.216.000
Chi phí quảng cáo	241.818.182	483.636.364
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.920.952.905	91.563.959
<b>Cộng</b>	<b>3.635.885.780</b>	<b>3.052.621.786</b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, văn phòng	10.351.019.631	12.704.219.246
Công cụ, dụng cụ	6.620.013.943	4.908.174.576
Chi phí thuê đất	334.000.000	1.336.000.000
Tiền thuê xe của Tập đoàn	1.739.500.000	1.952.500.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.750.746.695	68.472.229
<b>Cộng</b>	<b>20.795.280.269</b>	<b>20.969.366.051</b>

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	279.217.165.514	1.055.250.383.448	25.648.686.345	3.760.907.143	1.363.877.142.450
Mua trong kỳ	331.528.182	16.475.494.293	1.436.612.500	-	18.243.634.975
Đầu tư XDCB hoàn thành	44.464.022.130	5.932.477.692	560.000.000	6.794.915.574	57.751.415.396
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.881.857.353)	(3.558.066.883)	-	(15.439.924.236)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>324.012.715.826</b>	<b>1.065.776.498.080</b>	<b>24.087.231.962</b>	<b>10.555.822.717</b>	<b>1.424.432.268.585</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	37.098.787.651	98.433.108.997	11.158.086.631	2.569.711.943	149.259.695.222
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	104.505.806.544	428.999.594.462	19.894.753.762	2.630.516.893	556.030.671.661
Khấu hao trong kỳ	4.817.256.000	43.972.417.281	939.532.266	344.634.981	50.073.840.528
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.327.582.583)	(3.558.066.883)	-	(10.885.649.466)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>109.323.062.544</b>	<b>465.644.429.160</b>	<b>17.276.219.145</b>	<b>2.975.151.874</b>	<b>595.218.862.723</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	174.711.358.970	626.250.788.986	5.753.932.583	1.130.390.250	807.846.470.789
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>214.689.653.282</b>	<b>600.132.068.920</b>	<b>6.811.012.817</b>	<b>7.580.670.843</b>	<b>829.213.405.862</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 507.213.651.102 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.22b).

### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.634.308.358	2.288.714.002	3.345.594.356
Khấu hao trong kỳ		222.438.828	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.634.308.358</b>	<b>2.511.152.830</b>	<b>3.123.155.528</b>

### 11. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	14.476.010.625	1.085.700.807	13.390.309.818
Khấu hao trong kỳ		241.266.846	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.476.010.625</b>	<b>1.326.967.653</b>	<b>13.149.042.972</b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán là các căn hộ thuộc chung cư Nhân Phú đang cho thuê.

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	274.000.000	207.500.000	-	-	481.500.000
Xây dựng cơ bản dở dang	313.453.311.671	34.105.537.528	(45.025.751.149)	(1.700.916.251)	300.832.181.799
Dự án nhà máy dệt vải Denim Nha Trang (*)	273.345.490.172	22.113.032.439	-	(495.929.315)	294.962.593.296
Dự án nhà nghỉ dưỡng cho cán bộ, công nhân viên tại Đà Lạt	35.858.232.996	10.372.505.089	(45.025.751.149)	(1.204.986.936)	-
Các dự án khác	4.249.588.503	1.620.000.000	-	-	5.869.588.503
Sửa chữa lớn tài sản cố định	3.613.340.000	9.392.820.066	(12.725.664.247)	(280.495.819)	-
<b>Cộng</b>	<b>317.340.651.671</b>	<b>43.705.857.594</b>	<b>(57.751.415.396)</b>	<b>(1.981.412.070)</b>	<b>301.313.681.799</b>

(\*) Toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và máy móc thiết bị thuộc dự án nhà máy dệt vải Denim Nha Trang đã được thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.22).

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ là 7.230.321.620 VND.

### 13. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	270.152.739.353	-	270.152.739.353	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam (i)	42.872.026.710	-	42.872.026.710	-
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang (ii)	121.530.712.643	-	121.530.712.643	-
Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú (iii)	105.750.000.000	-	105.750.000.000	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>278.770.091.423 (34.870.820.608)</b>		<b>278.770.091.423 (34.870.820.608)</b>	
Công ty TNHH Coats Phong Phú <sup>(iv)</sup>	85.253.638.578	-	85.253.638.578	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn <sup>(v)</sup>	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần May Đà Lạt <sup>(vi)</sup>	6.769.616.000	-	6.769.616.000	-
Công ty TNHH Linen Supply Services <sup>(vii)</sup>	6.366.000.000 (6.366.000.000)		6.366.000.000 (6.366.000.000)	
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú <sup>(viii)</sup>	6.800.516.237	-	6.800.516.237	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức <sup>(ix)</sup>	144.586.200.608 (25.655.700.608)		144.586.200.608 (25.655.700.608)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân <sup>(x)</sup>	18.994.120.000 (2.849.120.000)		18.994.120.000 (2.849.120.000)	
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>125.247.365.199 (15.235.765.524)</b>		<b>125.247.365.199 (15.235.765.524)</b>	
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An <sup>(xi)</sup>	13.027.052.451	-	13.027.052.451	-
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương <sup>(xii)</sup>	32.288.540.334	-	32.288.540.334	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định <sup>(xiii)</sup>	12.533.634.095	-	12.533.634.095	-
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định Phong Phú <sup>(xiv)</sup>	5.852.355.319 (5.852.355.319)		5.852.355.319 (5.852.355.319)	
Công ty Cổ phần Len Việt Nam <sup>(xv)</sup>	1.337.103.882 (1.337.103.882)		1.337.103.882 (1.337.103.882)	
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may <sup>(xvi)</sup>	11.282.879.453 (4.725.954.997)		11.282.879.453 (4.725.954.997)	
Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá <sup>(xvii)</sup>	2.984.184.383 (1.078.721.195)		2.984.184.383 (1.078.721.195)	
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Phú <sup>(xviii)</sup>	12.018.427.562 (1.368.427.562)		12.018.427.562 (1.368.427.562)	
Công ty Cổ phần Hưng Phú <sup>(xix)</sup>	1.813.677.769	-	1.813.677.769	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định <sup>(xx)</sup>	7.500.000.000	-	7.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Phước Lộc <sup>(xxi)</sup>	3.216.754.481	-	3.216.754.481	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú <sup>(xxii)</sup>	14.093.555.470	-	14.093.555.470	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú Lăng Cô <sup>(xxiii)</sup>	7.299.200.000 (873.202.569)		7.299.200.000 (873.202.569)	
<b>Cộng</b>	<b>674.170.195.975 (50.106.586.132)</b>		<b>674.170.195.975 (50.106.586.132)</b>	

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103003574, thay đổi lần thứ 06 ngày 18 tháng 3 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tổng Công ty đầu tư 3.681.704 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam tương đương 60,99% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3703000219, thay đổi lần thứ 03 ngày 22 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Tổng Công ty đầu tư 9.614.375 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang tương đương 51,97% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500470547, thay đổi lần thứ 05 ngày 20 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đầu tư 6.390.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú, tương đương 71% vốn điều lệ.
- (iv) Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú 85.253.638.578 VND, tương đương 35,00% vốn điều lệ.
- (v) Tổng Công ty đầu tư 1.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn tương đương 20% vốn điều lệ.
- (vi) Tổng Công ty đầu tư 423.100 cổ phiếu của Công ty Cổ phần May Đà Lạt tương đương 40,00% vốn điều lệ.
- (vii) Tổng Công ty nắm giữ 6.636.000.000 VND tương đương 20% vốn điều lệ của Công ty TNHH Linen Supply Services.
- (viii) Tổng Công ty đầu tư 6.800.516.237 VND vào Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú tương đương 33,16% vốn điều lệ.
- (ix) Tổng Công ty đầu tư 12.519.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức tương đương 44,02% vốn điều lệ.
- (x) Tổng Công ty đầu tư 1.899.412 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân tương đương 47,84% vốn điều lệ.
- (xi) Tổng Công ty đầu tư 1.301.424 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An tương đương 11,72% vốn điều lệ.
- (xii) Kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2015, Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương được thành lập trên cơ sở sáp nhập Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Công nghiệp và Sản xuất kinh doanh Dệt may với Công ty Cổ phần Đầu tư Phước Long. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty đầu tư 2.999.772 cổ phiếu của Công ty mới tương đương 12,76% vốn điều lệ.
- (xiii) Tổng Công ty đầu tư 880.808 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định tương đương 2,33% vốn điều lệ.
- (xiv) Tổng Công ty đầu tư 600.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định Phong Phú tương đương 10,91% vốn điều lệ.
- (xv) Tổng Công ty đầu tư 130.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Len Việt Nam tương đương 3,17% vốn điều lệ.
- (xvi) Tổng Công ty đầu tư 1.126.228 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may tương đương 24,17% vốn điều lệ.
- (xvii) Tổng Công ty đầu tư 300.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá tương đương 2,25% vốn điều lệ.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

- (xviii) Tổng Công ty đầu tư 1.065.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Phú tương đương 15% vốn điều lệ.
- (xix) Tổng Công ty đầu tư 180.100 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hưng Phú tương đương 6,00% vốn điều lệ.
- (xx) Tổng Công ty đầu tư 750.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định tương đương 12,04% vốn điều lệ.
- (xxi) Tổng Công ty đầu tư 30.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phước Lộc tương đương 15,79% vốn điều lệ.
- (xxii) Tổng Công ty đầu tư 2.400.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú tương đương 17,15% vốn điều lệ.
- (xxiii) Tổng Công ty đầu tư 729.920 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú Lăng Cô tương đương 17,6% vốn điều lệ.

### Giá trị hợp lý

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	50.106.586.132	79.320.153.589
Trích lập dự phòng bổ sung	-	7.531.575.882
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>50.106.586.132</b>	<b>86.851.729.471</b>

### Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam</b>		
Bán hàng	3.398.231.204	1.468.761.426
Lãi vay phải thu	3.930.716.667	3.930.716.667
<b>Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang</b>		
Mua hàng	269.630.557.833	201.054.506.342
Bán hàng	88.961.466.619	177.327.045.316
Cho thuê tài sản	5.563.063.044	9.144.850.403
Bán tài sản cố định	604.818.182	-
Cổ tức được chia	-	9.614.375.000
Mua dịch vụ	18.737.342.719	1.740.116.480
Thuê đất, thuê kho	4.011.020.092	3.340.000.000
Lãi vay phải thu	4.033.157.151	2.336.490.267
Xuất sợi	10.496.868	-

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú</b>		
Bán hàng	88.889.768.935	121.478.753.776
Cung cấp dịch vụ	5.173.565.764	929.285.184
Lãi vay phải thu	257.832.875	260.014.305
Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	195.032.093.460	178.007.169.564
Nhận cung cấp dịch vụ	6.007.767.987	4.556.733.366
Cổ tức được chia	6.390.000.000	6.390.000.000
<b>Công ty TNHH Linen Supply Services</b>		
Bán hàng	120.513.920	302.929.700
Mua hàng	-	40.590.938
Xuất hóa chất	-	454.600
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Bán hàng	157.156.047.571	139.228.512.081
Cổ tức được chia	132.303.288.571	77.374.000.000
Mua nguyên liệu	42.105.899.190	38.524.222.800
Cung cấp dịch vụ	8.397.708.085	8.039.912.914
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	389.266.480
Lãi cho vay	-	3.130.545.833
Lợi nhuận tạm ứng	-	12.795.694.444
Tiền thuê đất phải thu	-	8.930.563.354
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn</b>		
Cổ tức được chia	1.000.000.000	700.000.000
<b>Công ty Cổ phần May Đà Lạt</b>		
Cổ tức được chia	634.652.566	423.101.710
<b>Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú</b>		
Bán hàng	7.816.347.620	18.999.735.905
Mua hàng và nhận cung cấp dịch vụ	505.829.355	429.815.272
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	248.981.280
Lãi vay phải thu	121.923.612	121.923.612

*Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh*

Khoản đầu tư vào cổ phiếu của một số công ty con, công ty liên kết, đầu tư góp vốn khác với giá trị ghi sổ là 252.197.877.022 VND được dùng để đảm bảo cho khoản trái phiếu phát hành tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.22b).

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

*Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận*

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	15.173.588.508	8.925.535.253
<i>Các chi phí phải trả</i>	<i>15.173.588.508</i>	<i>8.925.535.253</i>
Lỗi tính thuế	142.074.187.686	108.574.841.907
<b>Cộng</b>	<b><u>157.247.776.194</u></b>	<b><u>117.500.377.160</u></b>

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>265.624.227.803</i>	<i>186.936.494.674</i>
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	161.142.747.328	121.424.987.445
Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú	71.443.405.220	35.566.567.804
Công ty TNHH Coats Phong Phú	33.038.075.255	29.754.969.425
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	-	123.970.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	-	66.000.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>148.804.030.433</i>	<i>99.578.727.023</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>414.428.258.236</u></b>	<b><u>286.515.221.697</u></b>

Tổng Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may Việt Nam	9.962.577.900	9.962.577.900
Falcon Ic Dis Ticarat Company	4.915.092.068	-
Các khách hàng khác	9.021.050.412	6.038.666.109
<b>Cộng</b>	<b><u>23.898.720.380</u></b>	<b><u>16.001.244.009</u></b>

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cho thuê; kinh doanh sợi, xơ	10%
- Dịch vụ sử dụng nước, kinh doanh bông phế phẩm	05%

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	105.322.925.257	81.551.184.693
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	18.954.897.638	8.344.471.693
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.853.465.538)	(5.616.351.954)
Thu nhập chịu thuế	117.424.357.357	84.279.304.432
Thu nhập được miễn thuế	(150.923.703.137)	(104.292.259.910)
Thu nhập tính thuế	(33.499.345.780)	(20.012.955.478)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### *Thuế tài nguyên*

Tổng Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm.

### *Tiền thuế đất*

Tổng Công ty phải nộp tiền thuế đất cho các khu đất đang sử dụng theo thông báo của cơ quan thuế.

### *Các loại thuế khác*

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## 18. Phải trả người lao động

Quỹ lương được trích căn cứ vào số thực chi theo bảng lương cộng với 17% quỹ lương dự phòng.

Số dư cuối kỳ là quỹ lương chưa chi hết.

## 19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>5.559.064.143</i>	<i>4.251.935.181</i>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam – Chi phí lãi vay phải trả	5.559.064.143	4.251.935.181

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>9.614.524.365</i>	<i>4.673.600.072</i>
Chi phí hoa hồng	2.407.602.472	1.287.191.157
Chi phí lãi vay phải trả	650.546.030	186.660.494
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.556.375.863	3.199.748.421
<b>Cộng</b>	<b>15.173.588.508</b>	<b>8.925.535.253</b>

#### 20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/ dài hạn

Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến khoản trả trước tiền thuê nhà máy của Công ty TNHH Coats Phong Phú trong khoảng thời gian 15 năm từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2031.

#### 21. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

##### 21a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>84.068.579.280</i>	<i>1.420.315.152</i>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam – Chi phí lãi vay phải trả	1.769.228.080	1.420.315.152
Tập đoàn Dệt may Việt Nam – Cổ tức phải trả	82.299.351.200	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>21.974.144.627</i>	<i>22.925.785.270</i>
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	2.273.853.526	312.022.850
Cổ tức phải trả	1.020.561.695	851.966.695
Chi phí lãi vay phải trả	12.852.829.225	15.010.005.203
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Tiền chuyển nhượng cổ phần nhận trước	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	826.900.181	1.751.790.522
<b>Cộng</b>	<b>106.042.723.907</b>	<b>24.346.100.422</b>

##### 21b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương - Nhận góp vốn dài hạn	5.226.000.000	5.226.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức - Nhận góp vốn dài hạn	18.500.000.000	18.500.000.000
Nhận góp vốn của các tổ chức, cá nhân khác	1.600.000.000	1.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.326.000.000</b>	<b>25.326.000.000</b>

##### 21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

##### 22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan</i>	<i>6.101.970.892</i>	-
Vay dài hạn đến hạn trả Tập đoàn Dệt may Việt Nam (xem thuyết minh số V.22b)	6.101.970.892	-

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn bên liên quan</b>	<b>6.101.970.892</b>	-
Vay dài hạn đến hạn trả Tập đoàn Dệt may Việt Nam (xem thuyết minh số V.22b)	6.101.970.892	-
<b>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.109.179.395.275</b>	<b>979.502.044.422</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	986.656.553.306	858.723.309.098
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>	166.279.031.313	13.331.360.073
Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) <sup>(i)</sup>	104.309.475.777	161.726.753.324
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>	11.458.775.723	199.147.503.659
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>	656.102.009.149	351.758.854.693
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội <sup>(i)</sup>	26.287.204.341	132.758.837.349
Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam <sup>(i)</sup>	22.220.057.003	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	8.397.441.635	6.322.585.968
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	125.400.334	456.149.356
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	114.000.000.000	114.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.115.281.366.167</b>	<b>979.502.044.422</b>

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay các ngân hàng để bổ sung vốn lưu động và phát hành thư bảo lãnh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

### 22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</b>	<b>528.981.522.908</b>	<b>529.148.465.922</b>
Vay Tập đoàn Dệt may Việt Nam <sup>(i)</sup>	528.981.522.908	529.148.465.922
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>685.564.578.725</b>	<b>706.785.132.020</b>
Vay dài hạn ngân hàng	272.393.851.832	251.070.694.632
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	250.613.851.832	233.305.166.271
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(iii)</sup>	21.780.000.000	17.765.528.361
Vay dài hạn các tổ chức khác <sup>(iv)</sup>	78.331.598.080	102.331.598.080
Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Lợi Onshine Investment Limited	8.000.000.000	32.000.000.000
Vay dài hạn các cá nhân <sup>(iv)</sup>	70.331.598.080	70.331.598.080
Vay dài hạn các cá nhân <sup>(iv)</sup>	204.839.128.813	153.382.839.308
Trái phiếu thường dài hạn <sup>(v)</sup>	130.000.000.000	200.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.214.546.101.633</b>	<b>1.235.933.597.942</b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Tập đoàn Dệt may Việt Nam để tái cấu trúc tài chính, trả nợ cho các khoản nợ dài hạn của các tổ chức tín dụng theo các nội dung Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã cam kết với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Bộ Tài chính. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định (xem thuyết minh V.9).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán các chi phí liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án “Đầu tư nhà máy dệt vải Denim Nha Trang” với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.12).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để xây dựng Dự án nhà nghỉ dưỡng cho cán bộ, công nhân viên số 14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp dự án này (xem thuyết minh số V.9).
- (iv) Khoản vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (v) Trái phiếu thường, mệnh giá 1.000.000.000 VND, được phát hành cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho hoạt động đầu tư. Tài sản đảm bảo là các khoản vốn góp của Tổng Công ty trong một số công ty con và tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9 và V.13).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<b>Tổng nợ</b>	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm</b>	<b>Trên 05 năm</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	286.893.264.359	14.499.412.527	39.885.684.800	232.508.167.032
Vay dài hạn các tổ chức khác	607.313.120.988	-	76.909.069.213	530.404.051.775
Vay dài hạn các cá nhân	204.839.128.813	-	-	204.839.128.813
Nợ thuê tài chính	125.400.334	125.400.334	-	-
Trái phiếu thường	244.000.000.000	114.000.000.000	130.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.343.170.914.494</b>	<b>128.624.812.861</b>	<b>246.794.754.013</b>	<b>967.751.347.620</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	257.393.280.600	6.322.585.968	121.318.095.392	129.752.599.240
Vay dài hạn các tổ chức khác	631.480.064.002	-	55.803.673.348	575.676.390.654
Vay dài hạn các cá nhân	153.382.839.308	-	-	153.382.839.308
Nợ thuê tài chính	456.149.356	456.149.356	-	-
Trái phiếu thường	314.000.000.000	114.000.000.000	200.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.356.712.333.266</b>	<b>120.778.735.324</b>	<b>377.121.768.740</b>	<b>858.811.829.202</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### 22c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

### 23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2.011.417.278	7.846.542.000	(7.988.778.000)	1.869.181.278
Quỹ phúc lợi	1.242.436.526	6.000.000.000	(377.145.000)	6.865.291.526
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.821.292.514	12.000.842.000	(13.822.134.514)	-
<b>Cộng</b>	<b>5.075.146.318</b>	<b>25.847.384.000</b>	<b>(22.188.057.514)</b>	<b>8.734.472.804</b>

### 24. Vốn chủ sở hữu

#### 24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

#### 24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	374.087.960.000	374.087.960.000
Các cổ đông khác	372.620.950.000	372.620.950.000
<b>Cộng</b>	<b>746.708.910.000</b>	<b>746.708.910.000</b>

#### 24c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	74.670.891	74.670.891
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu phổ thông	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu phổ thông	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 24d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 18 tháng 4 năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (22%/mệnh giá cổ phiếu)	164.275.960.200
• Trích Quỹ đầu tư phát triển (8%)	18.462.057.000
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (6%)	13.846.542.000
• Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành (3%)	6.923.271.375
• Thường vượt kế hoạch (10% Lợi nhuận vượt kế hoạch)	5.077.570.625



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### 25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ

#### 25a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	4.827.515.966	5.055.992.625
Trên 01 năm đến 05 năm	13.416.635.034	12.914.372.557
Trên 05 năm	8.350.000.000	10.020.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>26.594.151.000</u></b>	<b><u>27.990.365.182</u></b>

Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê kho và nhà xưởng dưới hình thức thuê hoạt động với thời hạn thuê từ 03 năm trở lên.

#### 25b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	551.579,10	20.786,94
Euro (EUR)	250,00	-

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	805.897.537.751	732.715.197.913
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	705.057.174.760	555.216.517.974
<b>Cộng</b>	<b><u>1.510.954.712.511</u></b>	<b><u>1.287.931.715.887</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.13, Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Tập đoàn Dệt may Việt Nam (cùng kỳ năm trước là 306.691.100 VND).

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

### 3. Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	710.160.962.669	623.108.373.009
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	695.871.221.464	544.309.256.848
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	1.457.246.769	(231.276.651)
<b>Cộng</b>	<b><u>1.407.489.430.902</u></b>	<b><u>1.167.186.353.206</u></b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	74.411.306	66.978.690
Cổ tức, lợi nhuận được chia	150.923.703.137	104.292.259.910
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.259.621.748	3.115.386.604
Doanh thu hoạt động tài chính khác	90.407.240	79.555.449
<b>Cộng</b>	<b>152.348.143.431</b>	<b>107.554.180.653</b>

### 5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	36.941.076.418	37.997.324.681
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	775.448.425	1.236.735.485
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	10.052.405.812	1.050.863.785
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá tồn thất đầu tư	-	7.531.575.882
Chi phí tài chính khác	-	883.779
<b>Cộng</b>	<b>47.768.930.655</b>	<b>47.817.383.612</b>

### 6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.676.500.508	7.737.907.093
Chi phí vật liệu, bao bì	280.564.265	49.437.470
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	43.565.634
Chi phí vận chuyển	6.249.344.837	6.298.173.622
Chi phí khác	29.704.925.143	20.604.113.969
<b>Cộng</b>	<b>45.911.334.753</b>	<b>34.733.197.788</b>

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	18.776.331.703	14.477.242.021
Chi phí vật liệu quản lý	3.236.248.188	2.838.443.147
Chi phí khấu hao tài sản cố định	982.061.569	934.234.335
Thuế, phí và lệ phí	2.994.058.956	3.067.721.213
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	694.696.048	-
Chi phí bằng tiền khác	26.560.696.609	27.891.906.223
<b>Cộng</b>	<b>53.244.093.073</b>	<b>49.209.546.939</b>

Chi phí khác	3.934.154	251.974.337
<b>Cộng</b>	<b>3.813.615.794</b>	<b>17.912.101.542</b>

**10. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	604.327.283.987	489.585.109.367
Chi phí nhân công	123.044.101.051	117.490.149.577
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.537.546.202	47.806.707.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	278.667.727.796	134.356.945.768
Chi phí khác	58.869.947.133	39.200.237.456
<b>Cộng</b>	<b>1.115.446.606.169</b>	<b>828.439.149.706</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Trong kỳ, Tổng Công ty phát sinh các giao dịch thu lãi cho vay cần trừ vào chi phí lãi vay không bằng tiền trị giá 14.392.577.069 VND.

Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, công nợ liên quan đến tài sản cố định như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Phải trả tiền mua tài sản cố định	6.965.347.679	16.158.324.583
- Trả trước tiền mua tài sản cố định	7.027.915.708	7.558.450.863

4987  
 IG TY  
 HIEM HUI  
 N VÀ TI  
 & C  
 T.PHỐ

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	22.605.891.299	23.750.653.932
Trên 01 năm đến 05 năm	76.046.083.792	75.419.445.957
Trên 05 năm	126.322.058.428	135.541.324.512
<b>Cộng</b>	<b><u>224.974.033.520</u></b>	<b><u>234.711.424.402</u></b>

#### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tổng Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 2.124.525.000 VND (cùng kỳ năm trước là 2.008.350.000 VND).

##### 2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	Công ty con
Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú	Công ty con
Công ty TNHH Linen Supply Services	Công ty liên kết
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewoon Thủ Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân	Công ty liên kết

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.13 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tổng Công ty còn phát sinh các giao dịch sau với Tập đoàn Dệt may Việt Nam:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuê văn phòng	1.282.323.000	1.282.323.000
Cổ tức phải trả	82.299.351.200	67.335.833.358
Lãi vay phải trả	10.499.937.959	7.774.671.005
Thuê đất	94.884.947	94.884.947
Mua nguyên vật liệu	2.180.001.600	1.069.588.800

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.5, V.6, V.15, V.16, V.19, V.20 và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

### **3. Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

#### **3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất và tiêu thụ vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang.
- Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác: mua bán sợi và nguyên vật liệu sản xuất khác, dịch vụ giáo dục mầm non, kinh doanh bất động sản và thực hiện các dự án cụm công nghiệp, khu du lịch và tòa nhà phức hợp.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty được thể hiện ở Phụ lục 04 đính kèm.

#### **3b. Thông tin về khu vực địa lý**

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Công ty chủ yếu là Việt Nam, các nước Châu Á khác (Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Thái Lan) và các nước Châu Âu và Mỹ.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu nội địa	1.029.172.145.661	874.019.507.887
Doanh thu xuất khẩu	481.308.348.275	413.912.208.000
<b>Cộng</b>	<b>1.510.480.493.936</b>	<b>1.287.931.715.887</b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2018



Lê Thị Tú Anh  
Người lập biểu



Đặng Thanh Phước  
Kế toán trưởng



Bùi Thị Thu  
Phó Tổng Giám đốc

0301  
CÔNG  
CỔ  
PHẦN  
9-TP.

M.S.D.N.  
TR  
KIẾ  
Q. TÂN

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Phụ lục 01: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	89.060.624	-	836.324.412	(789.781.400)	135.603.636	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	3.309.333.394	(3.309.333.394)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	10.834.975	188.893.440	(275.471.064)	-	97.412.599
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	735.104.387	-	-	-	735.104.387
Thuế thu nhập cá nhân	7.261.207.597	-	9.233.108.662	(15.654.945.886)	839.370.373	-
Thuế tài nguyên	29.007.719	-	274.832.320	(260.433.880)	43.406.159	-
Tiền thuế đất	8.468.511.061	14.672.851.384	4.100.586.180	(780.106.515)	11.788.990.726	-
Thuế nhà thầu	-	-	93.600.592	(93.600.592)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	15.000.000	(15.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.847.787.001</b>	<b>15.418.790.746</b>	<b>18.051.679.000</b>	<b>(21.178.672.731)</b>	<b>12.807.370.894</b>	<b>832.516.986</b>

Đơn vị tính: VND

  
**Lê Thị Tú Anh**  
 Người lập

  
**Đặng Thanh Phước**  
 Kế toán trưởng

  
**Bùi Thị Thu**  
 Phó Tổng Giám đốc



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhom Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính**

### Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Lãi
-	-	-	6.101.970.892	-
Vay ngắn hạn bên liên quan	858.723.309.098	(1.311.802.746.764)	-	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	6.322.585.968	(3.187.152.268)	5.250.201.635	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	456.149.356	(331.512.660)	-	-
Nợ thuê tài chính	114.000.000.000	-	-	-
Trái phiếu thương mại	979.502.044.422	(1.315.321.411.692)	11.352.172.527	-
<b>Cộng</b>				

### Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Lãi
529.148.465.922	-	-	(6.101.970.892)	-
Vay dài hạn bên liên quan	24.997.743.369	-	(5.250.201.635)	-
Vay dài hạn ngân hàng	-	(24.000.000.000)	-	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	90.359.888.956	(40.051.011.750)	-	-
Vay dài hạn các cá nhân	200.000.000.000	(70.000.000.000)	-	-
Trái phiếu thương mại	115.357.632.325	(134.051.011.750)	(11.352.172.527)	-
<b>Cộng</b>				



Lê Thị Tú Anh  
Người lập



Đặng Thanh Phước  
Kế toán trưởng







## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Phụ lục 04: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	805.423.319.176	705.057.174.760	-	1.510.480.493.936
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>805.423.319.176</b>	<b>705.057.174.760</b>	-	<b>1.510.480.493.936</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	93.805.109.738	9.185.953.296	-	102.991.063.034
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(99.155.427.826)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	3.835.635.208
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	152.348.143.431
Chi phí tài chính	-	-	-	(47.768.930.655)
Thu nhập khác	-	-	-	721.693.067
Chi phí khác	-	-	-	(3.813.615.794)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>55.473.796.685</b>	<b>12.349.442.056</b>	-	<b>67.823.238.741</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>39.131.064.325</b>	<b>17.438.733.842</b>	-	<b>56.569.798.167</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>694.696.048</b>



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Phụ lục 04: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh / khu vực địa lý (tiếp theo)**

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	732.715.197.913	555.216.517.974	-	1.287.931.715.887
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>732.715.197.913</b>	<b>555.216.517.974</b>	-	<b>1.287.931.715.887</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	109.838.101.555	10.907.261.126	-	120.745.362.681
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(83.942.744.727)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				36.802.617.954
Doanh thu hoạt động tài chính				107.554.180.653
Chi phí tài chính				(47.817.383.612)
Thu nhập khác				2.923.871.240
Chi phí khác				(17.912.101.542)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>81.551.184.693</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>250.592.052.386</b>	<b>10.053.772.500</b>	-	<b>260.645.824.886</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>33.014.289.298</b>	<b>17.040.618.024</b>	-	<b>50.054.907.322</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	-	-	-	-



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Phụ lục 04: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.713.790.955.543	1.048.351.885.941	-	2.762.142.841.484
Tài sản phân bổ cho bộ phận	15.744.850.047	13.823.559.074	-	29.568.409.121
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.510.596.427.827
<b>Tổng tài sản</b>				<b>4.302.307.678.432</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	1.458.786.711.689	1.375.127.019.235	-	2.833.913.730.924
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	6.819.783.012	5.987.587.882	-	12.807.370.894
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				157.403.313.438
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>3.004.124.415.236</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.503.210.904.287	898.637.053.125	-	2.401.847.957.412
Tài sản phân bổ cho bộ phận	22.826.472.755	18.963.233.584	-	41.789.706.339
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.655.500.271.264
<b>Tổng tài sản</b>				<b>4.099.137.935.015</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	1.253.215.748.305	1.325.826.322.018	-	2.579.042.070.323
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	8.656.415.895	7.191.371.106	-	15.847.787.001
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				116.246.355.572
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>2.711.136.212.896</b>




Lê Thị Tú Anh  
Người lập

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ  
QUANG TRUNG  
K.S.D.N.030148006-C.T.P  
HỒ CHÍ MINH, ngày 05 tháng 8 năm 2018



Bùi Thị Thảo  
Phó Tổng Giám đốc

  
Đặng Thanh Phước  
Kế toán trưởng

